

QUY CHẾ

Quản lý và sử dụng nghĩa trang Thành phố Buôn Ma Thuột

(Ban hành kèm theo Quyết định số 04 /QĐ-UB ngày 12 tháng 09 năm 2011 của
UBND Thành phố Buôn Ma Thuột)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định về việc quản lý và sử dụng Nghĩa trang Thành phố Buôn Ma Thuột.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý và sử dụng Nghĩa trang Thành phố Buôn Ma Thuột.

Người đang sinh sống, làm việc tại Thành phố Buôn Ma Thuột hoặc người địa phương khác nhưng có thân nhân đang cư trú tại Thành phố Buôn Ma Thuột, khi qua đời nếu có nguyện vọng mai táng tại Nghĩa trang Thành phố Buôn Ma Thuột đều được giải quyết theo quy định.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. **Nghĩa trang** là nơi táng (lưu giữ hài cốt, thi hài) của người chết tập trung theo các hình thức táng khác nhau, thuộc các đối tượng khác nhau và được quản lý, xây dựng theo quy hoạch.

2. **Đóng cửa Nghĩa trang** là việc không cho phép tiếp tục thực hiện các hoạt động táng trong nghĩa trang (tức là không cho phép tiếp tục đưa hài cốt hoặc thi hài của người chết đến nghĩa trang để lưu giữ).

3. **Phần mộ cá nhân** là nơi lưu giữ thi hài, hài cốt của một người đã chết.

4. **Mai táng** là thực hiện việc lưu giữ hài cốt hoặc thi hài của người đã chết ở một địa điểm dưới mặt đất.

5. **Cải táng** là thực hiện việc chuyển hài cốt từ mộ hung táng sang hình thức táng khác.

6. **Táng** là thực hiện việc lưu giữ hài cốt hoặc thi hài của người đã chết.

7. **Hung táng** là hình thức mai táng thi hài trong một khoảng thời gian nhất định sau đó sẽ được cải táng.

8. **Hỏa táng** là thực hiện việc thiêu thi hài hoặc hài cốt của người chết ở nhiệt độ cao.

9. **Quản lý nghĩa trang** là việc thực hiện các nội dung theo quy chế quản lý đã được phê duyệt.

10. **Người sử dụng dịch vụ nghĩa trang** là người đang sống có quan hệ với người được táng trong nghĩa trang hoặc đến thăm viếng, tưởng niệm.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý và sử dụng nghĩa trang

1. Việc táng người chết được thực hiện trong các nghĩa trang phải phù hợp với phong tục, tập quán, truyền thống văn hóa, nếp sống văn minh hiện đại và tuân thủ các quy định hiện hành về xây dựng, vệ sinh, môi trường.

2. Việc sử dụng đất trong nghĩa trang phải theo quy hoạch, đúng mục đích, đúng đối tượng và bảo đảm các yêu cầu về cảnh quan, vệ sinh môi trường.

3. Các thai nhi bị hư, hỏng đều được đưa vào một nơi có quy hoạch cụ thể trong nghĩa trang.

4. Khuyến khích áp dụng các công nghệ tiên tiến trong việc quản lý và sử dụng nghĩa trang.

Điều 4. Điều kiện để được cấp đất mai táng.

1. Đối với trường hợp mai táng: Phải có đơn xin cấp đất kèm theo bản photocopy giấy chứng tử hoặc giấy báo tử. Trường hợp người chết trùng vào các ngày nghỉ (lễ; Tết, thứ bảy, chủ nhật) chưa có giấy chứng tử, báo tử thì cơ quan quản lý nghĩa trang vẫn bố trí đất cho gia đình thân nhân để lo mai táng, gia đình có trách nhiệm bổ sung giấy chứng tử hoặc giấy báo tử ngay sau khi xong việc mai táng.

2. Đối với trường hợp cải táng: Phải có đơn xin đất cải táng được chính quyền địa phương của người đứng đơn xác nhận.

3. Đối với trường hợp mai táng thai nhi, trẻ sơ sinh chưa đăng ký khai sinh: Phải có đơn xin cấp đất, cơ quan quản lý nghĩa trang xem xét giải quyết theo đơn.

4. Trường hợp xin cấp trước đất mai táng (hay còn gọi là cấp chờ nếu gia đình thân nhân có nhu cầu): Chỉ giải quyết cho trường hợp là vợ hoặc chồng của người đã chết được mai táng tại Nghĩa trang Thành phố Buôn Ma Thuột, có tuổi đời từ 60 tuổi trở lên và đảm bảo các điều kiện sau:

+ Phải thực hiện các biện pháp xây dựng để đảm bảo mỹ quan, vệ sinh môi trường đối với lô đất được cấp chờ, không làm ảnh hưởng đến các phần mộ xung quanh và cảnh quan chung của nghĩa trang.

+ Phải cung cấp bản photocopy các giấy tờ có liên quan để chứng minh về quan hệ vợ chồng của người còn sống và người đã chết.

+ Phải chấp hành nghiêm túc các quy định về quản lý và sử dụng nghĩa trang.

Điều 5. Di dời hài cốt trong nghĩa trang.

Gia đình thân nhân nếu có nhu cầu di dời hài cốt của người thân về nơi khác, phải cung cấp đơn xin di dời được chính quyền địa phương nơi cư trú hoặc cơ quan nơi công tác xác nhận (hoặc có giấy giới thiệu của cơ quan, chính quyền địa phương). Trường hợp đặc biệt ở xa, không có các loại giấy tờ xin di dời xác nhận của cơ quan, chính quyền địa phương thì phải viết đơn xin di dời và xuất trình cho cơ quan quản lý nghĩa trang giấy chứng minh nhân dân của người đứng ra tổ chức di dời để kiểm tra, xem xét giải quyết.

Gia đình thân nhân phải đăng ký kế hoạch di dời với cơ quan quản lý nghĩa trang và có biện pháp đảm bảo vệ sinh môi trường trong khi di dời, tổ chức dọn dẹp vệ sinh sau khi di dời.

Điều 6. Các hành vi bị cấm

1. Xây dựng mộ bia và các công trình trong nghĩa trang không theo quy định về quản lý kiến trúc và Quy chế quản lý nghĩa trang.
2. Tự ý di dời phần mộ trong nghĩa trang khi không được cơ quan quản lý nghĩa trang cho phép.
3. Làm hư hại bia mộ, phá hoại các công trình xây dựng trong nghĩa trang.
4. Cung cấp thông tin làm tổn hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong việc quản lý và sử dụng nghĩa trang.
5. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để vụ lợi hoặc can thiệp trái phép vào các hoạt động quản lý, sử dụng nghĩa trang.
6. Tự ý chặt hạ, di dời cây xanh khi chưa được cấp có thẩm quyền cho phép.
7. Tự ý hái hoa, bẻ cành, chặt rễ, cắt ngọn, khoan vỡ, đóng đinh, đốt lửa, đổ rác, chất độc hại, vật liệu xây dựng vào gốc cây.
8. Tự ý xây bọc bệ bao quanh gốc cây và treo các vật dụng, đồ dùng vào cây xanh.
9. Chăn thả gia súc trong nghĩa trang.
10. Trồng các loại cây trong danh mục cấm trồng và trồng các loại cây trong danh mục hạn chế khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép.
11. Mua bán, tự ý chuyển nhượng các lô đất, phần đất trong nghĩa trang
12. Thu phí, lệ phí, thực hiện kinh doanh các dịch vụ nghĩa trang trái quy định của pháp luật.
13. Không chấp hành các quyết định của cơ quan có thẩm quyền về đóng cửa nghĩa trang và các phần mộ riêng lẻ trong nghĩa trang.
14. Vi phạm các quy định, nội quy của nghĩa trang.

Chương II

CÁC QUY ĐỊNH VỀ PHÂN CHIA KHU VỰC MAI TÁNG VÀ CÁC KÍCH THƯỚC CƠ BẢN TRONG VIỆC SỬ DỤNG ĐẤT CỦA TỪNG MỘ CHÍ

Điều 7. Quy định về phân chia khu vực mai táng

1. Trong nghĩa trang được chia thành nhiều khu vực mai táng, cụ thể như sau:
 - Khu mai táng các đối tượng cán bộ cao cấp: Là nơi mai táng (nếu có nhu cầu) được mai táng tại nghĩa trang TP.Buôn Ma Thuột) các đối tượng sau:
 - + Mẹ Việt Nam anh hùng; Anh hùng lao động; Anh hùng lực lượng vũ trang; Cán bộ tiền khởi nghĩa; Cán bộ Lão thành cách mạng; Liệt sĩ; Người được tặng danh hiệu cấp Nhà nước (Nhà giáo ưu tú; Nghệ sĩ nhân dân; Nghệ sĩ ưu tú...).
 - + Các đối tượng đã và đang giữ chức: Tỉnh uỷ viên; Trưởng, phó các sở, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Hiệu trưởng, hiệu phó các trường đại học; Ủy viên thường vụ Thành uỷ; Chủ tịch, phó chủ tịch HĐND, UBND, UBMTTQ từ cấp Thành phố hoặc cấp tương đương trở lên.

- Khu mai táng các đối tượng cán bộ trung cấp: Là nơi mai táng của các đối tượng đã và đang giữ chức: Thành uỷ viên; Trưởng, Phó phòng, ban ngành, đoàn thể cấp Sở trở lên; các đảng viên được Tỉnh uỷ tặng Huy hiệu về tuổi đảng; người được Nhà nước tặng Huân chương các loại.

- Khu mai táng các đối tượng người có công với đất nước: Người thuộc diện gia đình liệt sĩ; bản thân là thương bệnh binh; người được công nhận có công với các mạng; người được hưởng chế độ hưu trí; Bí thư, Phó Bí thư, Chủ tịch, Phó chủ tịch HĐND, UBND, UBMTTQ cấp xã, phường; Trưởng, Phó phòng ban cấp Thành phố hoặc cấp tương đương trở lên; người được phong, tặng danh hiệu: doanh nhân, chiến sĩ thi đua cấp Nhà nước. Sĩ quan các lực lượng vũ trang; Thủ trưởng, phó thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp không thuộc diện các đối tượng cán bộ trung cao cấp kể trên.

- Khu mai táng các đối tượng công dân khác (gọi tắt là khu dân): Là nơi mai táng của các đối tượng không thuộc diện được mai táng ở các khu vực kể trên; không thuộc diện ở khu vực trẻ em và khu vực không có thân nhân.

- Khu mai táng các đối tượng trẻ em: Là nơi mai táng của các đối tượng là trẻ em mà khi chết được sử dụng quan tài có kích thước chiều dài không quá 1m.

- Khu mai táng các đối tượng không có thân nhân: Là nơi mai táng của các đối tượng mà khi chết không có gia đình thân nhân nhận thi hài và lo tổ chức mai táng.

- Khu vực cải táng: Là nơi lưu trữ, chôn cất các hài cốt được di dời từ nơi khác đưa về qui tập tại Nghĩa trang TP. Buôn Ma Thuột, được phân làm 2 loại là khu vực cải táng có thân nhân và khu cải táng các đối tượng không có thân nhân.

- Khu vực mai táng thai nhi: Là nơi mai táng, chôn cất các trường hợp bị hư thai, trẻ sơ sinh không may bị chết.

2. Các quy định khác: Tuỳ theo nguyện vọng của gia đình thân nhân và tình hình sử dụng đất tại nghĩa trang mà cơ quan quản lý nghĩa trang xem xét giải quyết các trường hợp sau:

- Cấp đất ở khu vực mai táng để chôn cất hài cốt được cải táng trên cơ sở cam kết của gia đình về thực hiện các qui định quản lý và sử dụng nghĩa trang.

- Người thuộc diện được mai táng ở khu vực có yêu cầu tiêu chuẩn cao, nếu gia đình thân nhân có nguyện vọng đưa vào mai táng ở khu vực có yêu cầu tiêu chuẩn thấp hơn (ví dụ từ khu cán bộ chuyển xuống khu dân) đều được giải quyết theo nguyện vọng, nhưng phải phù hợp với quy chế này.

Điều 8. Quy định các kích thước cơ bản của từng phần mộ.

1. Đối với phần mộ ở khu vực mai táng người lớn.

- Diện tích đất cho một phần mộ là: $4,5m^2$.

Trong đó:

+ Chiều dài: 3,0m

+ Chiều rộng: 1,5m

- Khoảng cách giữa hai hàng mộ liên tiếp là: 0,6m

- Khoảng cách giữa hai mộ liên tiếp trong mộ hàng là: 0,3m.
- Chiều cao tối đa cho một ngôi mộ là 3,5m (tính từ mặt nền của ngôi mộ)
- Quy cách đào huyệt mộ:
 - + Chiều rộng: 1,1m – 1,2m
 - + Chiều dài: 2,2 – 2,5m
 - + Chiều sâu: 1,5 – 1,7m

2. Đối với phần mộ ở khu vực mai táng trẻ em.

- Diện tích đất cho một phần mộ là: $1,5m^2$.

Trong đó:

- + Chiều dài: 1,5m
- + Chiều rộng: 1,0m
- Khoảng cách giữa hai hàng mộ liên tiếp là: 0,5m
- Khoảng cách giữa hai mộ liên tiếp trong mộ hàng là: 0,2m.
- Chiều cao tối đa cho một ngôi mộ là 1,5m (tính từ mặt nền của ngôi mộ)
- Quy cách đào huyệt mộ:
 - + Chiều rộng: 0,6m – 0,8m
 - + Chiều dài: 1,0 – 1,2m
 - + Chiều sâu: 1,2 – 1,5m

3. Đối với phần mộ ở khu vực cải táng có thân nhân.

- Diện tích đất cho một phần mộ là: $1,5m^2$.

Trong đó:

- + Chiều dài: 1,5m
- + Chiều rộng: 1,0m
- Khoảng cách giữa hai hàng mộ liên tiếp là: 0,5m.
- Khoảng cách giữa hai mộ liên tiếp trong mộ hàng là: 0,2m.
- Chiều cao tối đa cho một ngôi mộ là 1,5m (tính từ mặt nền của ngôi mộ)
- Quy cách đào huyệt mộ:
 - + Chiều rộng: 0,6m – 0,8m
 - + Chiều dài: 0,9 – 1,2m
 - + Chiều sâu: 1,0 – 1,2m

4. Đối với phần mộ ở khu vực cải táng không có thân nhân

- Diện tích đất cho một phần mộ là: $0,88m^2$.

Trong đó:

- + Chiều dài: 1,1m

- + Chiều rộng: 0,8m
- Khoảng cách giữa hai hàng mộ liên tiếp là: 0,5m
- Khoảng cách giữa hai mộ liên tiếp trong mộ hàng là: 0,2m.
- Chiều cao tối đa cho một ngôi mộ là 0,6m (tính từ mặt nền của ngôi mộ)
- Quy cách đào huyệt mộ:
- + Chiều rộng: 0,5m – 0,6m
- + Chiều dài: 0,7 – 0,9m
- + Chiều sâu: 1,0 – 1,2m

5. Đối với phần mộ thai nhi.

- Diện tích đất cho một phần mộ là: $0,42m^2$.

Trong đó:

- + Chiều dài: 0,7m
- + Chiều rộng: 0,6m
- Khoảng cách giữa hai hàng mộ liên tiếp là: 0,2m
- Khoảng cách giữa hai mộ liên tiếp trong mộ hàng là: 0,2m.
- Chiều cao tối đa cho một ngôi mộ là 0,5m (tính từ mặt nền của ngôi mộ)
- Quy cách đào huyệt mộ:
- + Chiều rộng: 0,2m – 0,3m
- + Chiều dài: 0,3 – 0,4m
- + Chiều sâu: 0,5 – 0,6m

6. Khoảng cách giữa các dãy mộ trong một khu vực:

Trong mỗi khu vực mai táng được chia thành nhiều dãy mộ, giữa 2 dãy mộ liên tiếp phải có lối đi để phục vụ việc đi quan đến vị trí chôn cất và thăm viếng.

Quy định về dãy mộ cụ thể như sau:

- Đối với dãy mộ thuộc khu vực mai táng người lớn:
- + Mỗi hàng trong một dãy có 4 phần mộ.
- + Khoảng cách giữa hai dãy liên tiếp (lối đi giữa 2 dãy liên tiếp): 1,5m.
- Đối với dãy mộ thuộc khu vực mai táng trẻ em và cải táng có thân nhân:
- + Mỗi hàng trong một dãy có 8-10 phần mộ.
- + Khoảng cách giữa hai dãy liên tiếp (lối đi giữa 2 dãy liên tiếp): 1,5m.
- Đối với dãy mộ thuộc khu vực cải táng không có thân nhân:
- + Mỗi hàng trong một dãy có 8-12 phần mộ.
- + Khoảng cách giữa hai dãy liên tiếp (lối đi giữa 2 dãy liên tiếp): 1,5m.

Chương III

QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ NGHĨA TRANG

Điều 9. Phân cấp quản lý nghĩa trang TP.Buôn Ma Thuột

Giao cho Công ty TNHH MTV Quản lý Đô thị & Môi trường Đăk Lăk trực tiếp tổ chức quản lý Nghĩa trang Thành phố Buôn Ma Thuột.

Điều 10. Trách nhiệm và quyền hạn của đơn vị quản lý Nghĩa trang

- Phổ biến, giám sát việc thực hiện những nội quy, quy định về quản lý và sử dụng nghĩa trang.
- Hướng dẫn, kiểm tra việc tuân thủ các quy định về vệ sinh môi trường trong các hoạt động táng.
- Quản lý nghĩa trang theo các quy định của nhà nước, của thành phố và các quy định khác về hoạt động trong nghĩa trang được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Bảo đảm về vệ sinh môi trường trong nghĩa trang;
- Cấp đất để táng người chết; thu tiền cấp đất và các dịch vụ khác theo quy định; tổ chức xây dựng mộ, sửa chữa mộ (nếu gia đình thân nhân có nhu cầu) theo các quy định của quy chế này.
- Kịp thời lập biên bản đối với các hành vi vi phạm về quản lý và sử dụng nghĩa trang và báo cáo cho cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.
- Thường xuyên chăm sóc, bảo quản các công trình công cộng tại nghĩa trang.
- Khi phát hiện ra những hiện tượng khác thường liên quan đến phần mộ như: xuống cấp, hư hỏng, bị phá hoại... đơn vị quản lý nghĩa trang có trách nhiệm báo ngay cho thân nhân của người mất hoặc các cơ quan chức năng để giải quyết.
- Kiểm tra và ngăn chặn kịp thời các hành vi gây ảnh hưởng xấu đến nghĩa trang và người sử dụng dịch vụ nghĩa trang.
- Chăm sóc hoa, thảm cỏ, cây cảnh, cây xanh, nạo vét cống rãnh, mương thoát nước... làm sạch đẹp môi trường, cảnh quan trong nghĩa trang.
- Kiểm tra và đề xuất việc tu bổ, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp nghĩa trang.
- Kiểm tra việc thực hiện các hoạt động táng và vệ sinh môi trường trong nghĩa trang theo quy định hiện hành của các cơ quan chức năng.
- Bảo vệ tài sản Nhà nước và các công trình công cộng trong nghĩa trang.
- Cung cấp dịch vụ nghĩa trang cho người sử dụng, bảo đảm chất lượng theo quy định.
- Tham mưu cho cấp có thẩm quyền về các vấn đề liên quan đến nghĩa trang.
- Thu hồi lại các phần đất đã cấp nếu gia đình thân nhân có hành vi sử dụng đất sai mục đích và sai đối tượng sử dụng; không thực hiện các cam kết đảm bảo về cảnh quan và vệ sinh môi trường.

Điều 11. Lập và lưu trữ hồ sơ nghĩa trang

1. Nội dung hồ sơ nghĩa trang:

- Lập các bảng chỉ dẫn, sơ đồ vị trí các khu chức năng, khu mộ, hàng mộ, phần mộ phục vụ cho người thăm viếng.

- Danh sách, sơ đồ vị trí các khu chức năng, khu mộ, hàng mộ, phần mộ;

- Mỡ sổ theo dõi, lưu trữ các thông tin cơ bản của người mất: họ tên, quê quán, nguyên nhân chết, ngày chết, địa chỉ thân nhân để liên hệ và các giấy tờ liên quan. Lưu trữ hồ sơ các phần mộ được di dời;

2. Đơn vị quản lý nghĩa trang có trách nhiệm lập và lưu trữ hồ sơ nghĩa trang; cung cấp thông tin cho tổ chức và cá nhân khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

3. Khuyến khích áp dụng công nghệ tin học tiên tiến trong việc lập, lưu trữ, khai thác hồ sơ nghĩa trang.

Điều 12. Xác định vị trí các phần mộ trong nghĩa trang

1. Tất cả các phần mộ trong nghĩa trang đều phải được đánh số.

2. Việc xác định vị trí các phần mộ trong nghĩa trang phải đảm bảo mục tiêu rõ ràng, thuận tiện cho người sử dụng và người quản lý.

Chương IV

QUY ĐỊNH VỀ SỬ DỤNG NGHĨA TRANG VÀ TRÁCH NHIỆM, QUYỀN LỢI CỦA GIA ĐÌNH THÂN NHÂN

Điều 13. Sử dụng đất trong nghĩa trang

1. Việc sử dụng đất trong nghĩa trang phải đúng theo quy hoạch, theo vị trí khu mộ, hàng mộ và phần mộ. Sử dụng đất táng phải đúng mục đích, đúng đối tượng.

2. Việc giao đất táng trong nghĩa trang thực hiện lần lượt theo thứ tự liên kế của khu, hàng đã định trước.

3. Các phần mộ trong một khu mộ phải bố trí cách đều nhau. Các kích thước về diện tích đất của phần mộ và các kích thước có liên quan đến việc xây dựng mộ đều phải tuân theo các quy định của Quy chế này.

4. Nếu gia đình thân nhân được cấp hai lô đất liền kề thì được phép xây dựng mộ đôi.

5. Kích thước, kiểu dáng các mộ, bia mộ và khoảng cách giữa các mộ phải tuân thủ theo các quy định chung của quy hoạch xây dựng được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 14. Trách nhiệm và quyền lợi của gia đình thân nhân

1. Gia đình thân nhân phải chấp hành đúng các nội qui, quy định trong việc quản lý và sử dụng nghĩa trang Thành phố Buôn Ma Thuột.

2. Cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết về người mất, các giấy tờ có liên quan đến việc xác định khu vực táng cho đơn vị quản lý nghĩa trang.

3. Việc tu bổ phần mộ, bia mộ, di dời mộ, trồng hoặc di dời cây trong nghĩa trang phải được sự chấp thuận của đơn vị quản lý nghĩa trang. Gia đình thân nhân có trách nhiệm giữ gìn an ninh trật tự, vệ sinh môi trường, không được làm ảnh hưởng đến các phần mộ xung quanh và cảnh quan chung của nghĩa trang.

4. Chấp hành nghiêm túc về thời gian đóng, mở cổng hàng ngày của đơn vị quản lý nghĩa trang.

5. Thanh toán đầy đủ các khoản tiền phải nộp như: tiền cấp đất và các khoản về dịch vụ nghĩa trang.

6. Được thăm viếng, chăm sóc mộ theo quy định của đơn vị quản lý nghĩa trang.

7. Được tổ chức cúng, lễ, cầu siêu cho người mất và tổ chức các hoạt động tín ngưỡng khác nhưng phải đảm bảo tuân theo các qui định hiện hành của Nhà nước.

8. Yêu cầu đơn vị cung cấp các dịch vụ nghĩa trang thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và các cam kết đã thoả thuận trong việc cung cấp dịch vụ.

9. Tham gia đóng góp ý kiến với cơ quan quản lý nhà nước về các vấn đề liên quan đến nghĩa trang.

Chương V

QUY ĐỊNH VỀ GIÁ ĐẤT, GIÁ DỊCH VỤ VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ NGHĨA TRANG

Điều 15. Giá đất, giá dịch vụ và chi phí quản lý nghĩa trang được quy định như sau:

1. **Mức thu tiền cấp đất mai táng**, cải táng thực hiện theo văn bản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định.

2. Giá dịch vụ nghĩa trang do đơn vị quản lý nghĩa trang cung cấp trên cơ sở được UBND tỉnh quy định gồm:

- Giá dịch vụ về tang lễ, mai táng, hoá táng ...
- Giá các dịch vụ di dời mộ, cải táng, đào huyệt, xây mới mộ, sửa chữa, tu bổ bia mộ và giá các dịch vụ khác do ngân sách nhà nước chi trả.

3. Giá các dịch vụ khác ngoài quy định của UBND tỉnh được thực hiện theo thoả thuận giữa các bên.

4. Chi phí quản lý nghĩa trang được lấy từ nguồn thu dịch vụ nghĩa trang và nguồn vốn ngân sách theo quy định của pháp luật.

5. Giá các dịch vụ nghĩa trang nêu trên đơn vị quản lý nghĩa trang có trách nhiệm niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Các trường hợp đặc biệt sau đây được miễn tiền cấp đất:

1. Đối với trường hợp mai táng (chôn cất lần đầu) bao gồm:
 - Tử thi không có thân nhân.

- Người đang thuộc diện hộ nghèo (người mất có tên trong danh sách hộ nghèo, có sổ hoặc giấy chứng nhận hộ nghèo còn giá trị).

- Cán bộ Lão thành cách mạng; cán bộ tiền khởi nghĩa, Mẹ Việt Nam anh hùng (nếu có nhu cầu chôn cất tại Nghĩa trang Thành phố Buôn Ma Thuột);

- Người mất là thân nhân của liệt sĩ (người có tên trong sổ liệt sĩ); là thương bệnh binh.

2. Đối với trường hợp cải táng, bao gồm:

- Các đối tượng thuộc diện cải táng không có thân nhân.

- Các trường hợp là liệt sĩ được gia đình quy tập và có nguyện vọng đưa về cải táng tại Nghĩa trang Thành phố Buôn Ma Thuột.

3. Các đối tượng thai nhi.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17. Quy chế này có hiệu lực thi hành theo quyết định ban hành, thay thế Quy chế quản lý và an táng, cải táng tại Nghĩa trang Thành phố Buôn Ma Thuột được UBND Thành phố Buôn Ma Thuột ban hành tại Quyết định số 798/2005/QĐ-UBND, ngày 16/03/2005; Quyết định số 1744/QĐ-UBND, ngày 08/9/2006 điều chỉnh quy chế quản lý nghĩa trang thành phố ban hành kèm theo Quyết định số 798/2005/QĐ-UBND.

Trong quá trình thực hiện Quy chế nếu gặp khó khăn, vướng mắc, Phòng Quản lý đô thị có trách nhiệm báo cáo, đề xuất UBND Thành phố Buôn Ma Thuột để xem xét điều chỉnh bổ sung kịp thời./.

TM. UBND THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT